

Biểu số 01

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024 HUYỆN SA THẦY

DVT: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Kế hoạch tỉnh giao năm 2024			Kế hoạch huyện giao năm 2024 điều chỉnh - lần 3 tại Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 18/7/2024					Kế hoạch huyện giao năm 2024 điều chỉnh - lần 4				Tăng, giảm so với Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 18/7/2024	Ghi chú	
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Phân bổ chi tiết đợt này			Chưa phân bổ chi tiết	Tổng số	Phân bổ chi tiết đợt này		Chưa phân bổ chi tiết			
			Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp		Tổng số	Trong đó				Tổng số	Vốn ĐTPT				Vốn sự nghiệp
							Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15		
	Tổng số	38.782,0	38.782,0	-	88.202,426	86.852,426	86.852,426	-	1.350,000	88.202,426	88.202,426	86.852,426	-	-	-	
I.	Nguồn vốn đầu tư trong cân đối NSDP	38.782,0	38.782,0	-	78.382,000	77.032,000	77.032,000	-	1.350,000	78.382,000	78.382,000	77.032,000	-	-	-	
1	Nguồn cân đối NSDP theo tiêu chí quy định tại Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg	11.182,0	11.182,0	-	11.182,000	9.832,000	9.832,000	-	1.350,000	11.182,000	11.182,000	9.832,000	-	-	-	
-	Phân cấp cân đối theo tiêu chí quy định tại NQ 63/2020/NQ-HĐND	7.832,0	7.832,0		7.832,000	7.832,000	7.832,000			7.832,000	7.832,000	7.832,000				-
-	Phân cấp hỗ trợ xây dựng NTM (Ưu tiên đầu tư các công trình GD-ĐT)	2.000,0	2.000,0		2.000,000	2.000,000	2.000,000			2.000,000	2.000,000	2.000,000				-
-	Hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã	1.350,0	1.350,0		1.350,000	-			1.350,000	1.350,000	1.350,000	1.350,000				-
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	27.600,0	27.600,0		67.200,000	67.200,000	67.200,000			67.200,000	67.200,000	67.200,000				-
II.	Các nguồn thu được để lại đầu tư (nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư năm 2023)				8.820,426	8.820,426	8.820,426		-	8.820,426	8.820,426	8.820,426		-	-	
III.	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2023				1.000,000	1.000,000	1.000,000			1.000,000	1.000,000	1.000,000				-

TT	Nguồn vốn/ Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 5 năm 2021-2025 điều chỉnh (Lần 3)			Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2023		Nhu cầu Kế hoạch năm 2024		Kế hoạch huyện giao năm 2024 điều chỉnh - lần 3 tại Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 18/7/2024			Kế hoạch huyện giao năm 2024 điều chỉnh - lần 3			Tăng (+), giảm (-)	Ghi chú			
						Số QĐ, ngày tháng năm phê duyệt	Tổng mức đầu tư	Trợ: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Phân bổ chi tiết			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Chưa phân bổ chi tiết (*)			Phân bổ chi tiết		
										Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước					Thanh toán nợ XDCB	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP						Chưa phân bổ chi tiết (*)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP
1	Đầu tư kết cấu hạ tầng khu dân cư dọc tuyến đường Điện Biên Phủ và đường Trần Quốc Toản, thị trấn Sa Thầy	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện	TT Sa Thầy		2021-	136/QĐ-UBND 27/01/2021	52.000,0	52.000,0	52.000,0	52.000,0		10.197,5	10.197,5	41.802,5	41.802,5	20.000,0	20.000,0		20.000,0	20.000,0						
2	Dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ giảm dân tại làng Xốp, xã Mỏ Rai, huyện Sa Thầy	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện	Xã Mỏ Rai		2020-	700/QĐ-UBND 26/7/2020 39/NQ-HĐND 22/10/2021	125.000,0	88.000,0	85.632,7	85.632,7		22.929,2	22.929,2	62.703,4	62.703,4	24.757,0	24.757,0		24.757,0	24.757,0				Chưa bao gồm 35.000 triệu NS tính hỗ trợ; 1.916,839 triệu đồng từ nguồn đầu tư năm 2020 chuyển sang năm 2021; 450,5 triệu nguồn tăng thu ngân sách huyện; 872,3 triệu đối ứng Dự án 2 - Chương trình MTQG DT&MN năm 2024		
3	Đường giao thông từ trung tâm huyện Sa Thầy đến nhà máy thủy điện laly	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện	H. Sa Thầy		2021-	674/QĐ-UBND 29/7/2021	318.000,0	76.200,0	55.847,1	55.847,1		8.000,0	8.000,0	47.847,1	47.847,1	6.000,0	6.000,0		6.000,0	6.000,0				Chưa bao gồm 241.800 triệu đồng nguồn hỗ trợ ngân sách Trung ương; 20.352,9 triệu nguồn cân đối NSDP		
(4)	Các dự án khởi công mới năm 2024																									
(5)	Nguồn thu sử dụng đất trong cân đối được để lại cho cấp xã (để duy tu, sửa chữa, nâng cấp các công trình hạ tầng; hỗ trợ làm đường hẻm, đường giao thông nông thôn...)						34.360,0	34.360,0	25.502,0	25.502,0	-	-	9.500,0	9.500,0	9.951,0	9.951,0	6.500,0	6.500,0		6.500,0	6.500,0					
1	Thị trấn	Thị trấn	Thị trấn		2024		23.400,0	23.400,0	19.632,0	19.632,0		7.830,0	7.830,0	5.901,0	5.901,0	1.425,0	1.425,0		1.425,0	1.425,0						
2	Xã Sa Nghĩa	Xã Sa Nghĩa	Xã Sa Nghĩa		2024		50,0	50,0	90,0	90,0		50,0	50,0	20,0	20,0	20,0	20,0		20,0	20,0						
3	Xã Sa Bình	Xã Sa Bình	Xã Sa Bình		2024		100,0	100,0	100,0	100,0		60,0	60,0	20,0	20,0	15,0	15,0		15,0	15,0						
4	Xã Sa Sơn	Xã Sa Sơn	Xã Sa Sơn		2024		50,0	50,0	90,0	90,0		50,0	50,0	20,0	20,0	10,0	10,0		10,0	10,0						
5	Xã Sa Nhon	Xã Sa Nhon	Xã Sa Nhon		2024		50,0	50,0	90,0	90,0		50,0	50,0	20,0	20,0	5,0	5,0		5,0	5,0						
6	Xã Ya Ly	Xã Ya Ly	Xã Ya Ly		2024		85,0	85,0	105,0	105,0		85,0	85,0	10,0	10,0	5,0	5,0		5,0	5,0						
7	Xã Ya Xiêr	Xã Ya Xiêr	Xã Ya Xiêr		2024		50,0	50,0	90,0	90,0		50,0	50,0	20,0	20,0	5,0	5,0		5,0	5,0						
8	Xã Rô Koi	Xã Rô Koi	Xã Rô Koi		2024		25,0	25,0	85,0	85,0		45,0	45,0	20,0	20,0	5,0	5,0		5,0	5,0						
9	Xã Mỏ Rai	Xã Mỏ Rai	Xã Mỏ Rai		2024		10.500,0	10.500,0	5.130,0	5.130,0		1.230,0	1.230,0	3.900,0	3.900,0	5.000,0	5.000,0		5.000,0	5.000,0						
10	Xã Ho Moong	Xã Ho Moong	Xã Ho Moong		2024		50,0	50,0	90,0	90,0		50,0	50,0	20,0	20,0	10,0	10,0		10,0	10,0						
(6)	Chi công tác đo đạc, quản lý đất đai	PTNMT	H. Sa Thầy		2024		16.000,0	16.000,0	10.670,0	10.670,0		4.170,0	4.170,0	3.250,0	3.250,0	6.830,0	6.830,0		6.830,0	6.830,0						

2.922,3 triệu đồng đối ứng Dự án 4 và Dự án 6 - Chương trình MTQG DT&MN năm 2024

Biểu số 03
TỔNG HỢP VỐN PHÂN CẤP CỦA TỈNH CHO HUYỆN NĂM 2024

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tổng số	Nguồn cân đối NSDP theo tiêu chí quy định tại Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg					Thu tiền sử dụng đất			Phân cấp đầu tư từ nguồn thu XSKT (Ưu tiên đầu tư các công trình GD-ĐT thực hiện CT MTQG xây dựng NTM)	Ghi chú
	Tổng số	Phân cấp cân đối theo tiêu chí quy định tại NQ 63/2020/NQ-HĐND	Phân cấp hỗ trợ xây dựng NTM (Ưu tiên đầu tư các công trình GD-ĐT)	Phân cấp hỗ trợ đầu tư các công trình cấp bách	Hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã	Tổng số	Trong đó:			
							Phân cấp đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối	Phân cấp thực hiện nhiệm vụ chi đo đạc, cấp giấy chứng nhận, quản lý đất đai		
38.782	11.182	7.832	2.000		1.350	27.600	22.000	5.600		

Biểu mẫu số 04
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 NGUỒN THU DẸ LẠI ĐẦU TƯ

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh (Lần 3) và các Nghị quyết phê duyệt bổ sung					Kế hoạch huyện giao năm 2024 điều chỉnh - lần 3 tại Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 18/7/2024					Kế hoạch huyện giao năm 2024 điều chỉnh - lần 4					Tăng (+), giảm (-)	Ghi chú				
						Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Phân bổ chi tiết đợt này			Chưa phân bổ chi tiết (*)	Tổng số	Phân bổ chi tiết đợt này					Chưa phân bổ chi tiết (*)			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số	Trong đó: NSDP					Tổng số	Trong đó: NSDP												
											Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB					Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB											
																					Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Thu hồi các khoản vốn ứng trước				Thanh toán nợ XDCB		
	TỔNG SỐ						115.188,0	26.880,0	22.930,0	22.930,0	-	-	21.691,6	937,6	8.820,426	8.820,426	8.820,426	-	-	-	8.820,426	8.820,426	8.820,426	-	-	-			
I	Nguồn thu để lại cho đầu tư (Nguồn tăng thu ngân sách huyện năm 2023)						106.528,0	18.220,0	14.220,0	14.220,0	-	-	20.754,0	-	6.650,855	6.650,855	6.650,855	-	-	-	6.650,855	6.650,855	6.650,855	-	-	-			
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024																												
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024																												
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2024						106.528,0	18.220,0	14.220,0	14.220,0	-	-	20.754,0	-	6.650,855	6.650,855	6.650,855	-	-	-	6.650,855	6.650,855	6.650,855	-	-	-			
1	Đường giao thông từ tỉnh lộ 674, xã Sa Sơn di Đai trong miền Chư Tan Kra và sửa chữa, tôn tạo, nâng cấp Đai trường miền Chư Tan Kra	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện	H. Sa Thầy		2023-2025	656/QĐ-UBND 27/12/2023	65.000,0	7.000,0	3.000,0	3.000,0			20.754,0		3.000,000	3.000,000	3.000,000				3.000,000	3.000,000	3.000,000					Chưa bao gồm 49.500 triệu đồng nguồn vốn ngân sách tỉnh; 4.000 triệu đồng nguồn thu sử dụng đất	
2	Đư án sắp xếp, bố trí ổn định dân cư tập trung và tại chỗ thôn Đak Wot, xã Ho Moong, huyện Sa Thầy	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện	Xã Ho Moong		2022-2024	1900/QĐ-UBND 11/11/2022; 916/QĐ-UBND 08/5/2024	30.708,0	400,0	400,0	400,0			20.754,0		400,000	400,000	400,000				400,000	400,000	400,000					Chưa bao gồm 27.317 triệu đồng nguồn vốn ngân sách Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	
3	Cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất trụ sở làm việc khối Mặt trận và Đoàn thể huyện Sa Thầy	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện	Thị trấn Sa Thầy		2024-2025	1014/QĐ-UBND 24/5/2024	2.500,0	2.500,0	2.500,0	2.500,0					1.050,855	1.050,855	1.050,855				1.050,855	1.050,855	1.050,855						
4	Nhà Văn hóa xã Ho Moong và các hạng mục phụ trợ	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện	Xã Ho Moong		2024-2025	1013/QĐ-UBND 24/5/2024	1.400,0	1.400,0	1.400,0	1.400,0					1.400,000	1.400,000	1.400,000				1.400,000	1.400,000	1.400,000						
5	Trường Mầm non Sơn Ca; hạng mục: Xây mới 03 phòng học; khu nhà bếp và các hạng mục phụ trợ	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện	Xã Ho Moong		2024-2025	1001/QĐ-UBND 22/5/2024	3.920,0	3.920,0	3.920,0	3.920,0					400,000	400,000	400,000				400,000	400,000	400,000						
6	Trường Tiểu học Trần Quốc Toản, hạng mục: Xây mới nhà học hai tầng 04 phòng và các hạng mục phụ trợ	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện	Xã Ho Moong		2024-2025	1015/QĐ-UBND 24/5/24	3.000,0	3.000,0	3.000,0	3.000,0					400,000	400,000	400,000				400,000	400,000	400,000						
II	Nguồn thu để lại cho đầu tư (Nguồn kết dư ngân sách huyện năm 2023)						8.660,0	8.660,0	8.710,0	8.710,0	-	-	937,6	937,6	2.169,571	2.169,571	2.169,571	-	-	-	2.169,571	2.169,571	2.169,571	-	-	-			
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024																												
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024						5.000,0	5.000,0	5.000,0	5.000,0	-	-	937,6	937,6	1.042,000	1.042,000	1.042,000				914,774	914,774	914,774					127,226	
1	Đường giao thông liên khu di tích lịch sử Địch cao 1049, xã Ho Moong, huyện Sa Thầy	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện	Xã Ho Moong		2023-2024	317/QĐ-UBND 16/3/2023	5.000,0	5.000,0	5.000,0	5.000,0			937,6	937,6	1.042,000	1.042,000	1.042,000				914,774	914,774	914,774					Chưa bao gồm: 937,55 triệu đồng nguồn kết dư ngân sách huyện năm 2022; 2.000 triệu đồng nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2022; 1.000 triệu đồng nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2023	
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2024						3.660,0	3.660,0	3.710,0	3.710,0	-	-	-	-	1.127,571	1.127,571	1.127,571	-	-	-	1.254,797	1.254,797	1.254,797	-	-	-		127,226	
1	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè, hệ thống thoát nước và trồng cây xanh đường Nguyễn Trãi, thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện	Thị trấn Sa Thầy		2024	1328/QĐ-UBND 03/7/2024	860,0	860,0	860,0	860,0					860,000	860,000	860,000				860,000	860,000	860,000						
2	Trường Mầm non Tuối Thọ, hạng mục: Xây mới nhà học 03 phòng và các hạng mục phụ trợ điểm trường K'Boy	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện	Xã Ho Moong		2024-2025	1051/QĐ-UBND 28/5/2024	2.800,0	2.800,0	2.800,0	2.800,0					217,571	217,571	217,571				344,797	344,797	344,797					127,226	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh (Lần 3) và các Nghị quyết phê duyệt bổ sung					Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2023		Kế hoạch huyện giao năm 2024 điều chỉnh - lần 3 tại Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 18/7/2024					Kế hoạch huyện giao năm 2024 điều chỉnh - lần 4					Tăng (+), giảm (-)	Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Phân bổ chi tiết đợt này			Chưa phân bổ chi tiết (*)	Tổng số	Phân bổ chi tiết đợt này			Chưa phân bổ chi tiết (*)					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số	Trong đó: NSDP					Tổng số	Trong đó: NSDP				Tổng số	Trong đó: NSDP							
											Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB					Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB				Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB						
																									Thu hồi các khoản vốn ứng trước			Thanh toán nợ XDCB	Thu hồi các khoản vốn ứng trước
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28=22-16	29	
3	Đổi ứng thực hiện nội dung hỗ trợ nhà ở thuộc Dự án 1, CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024	UBND xã Ho Moong Xã Ho Moong			2024				50,0	50,0					50.000	50.000	50.000					50.000	50.000	50.000				-	

(*) Giao Ủy ban nhân dân huyện hoàn tất thủ tục đầu tư các dự án trình cấp thẩm quyền phân bổ chi tiết đảm bảo theo quy định.

Biểu mẫu số 05
NGUỒN TĂNG THU, TIẾT KIỆM CHI NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2023

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2023		Kế hoạch huyện giao năm 2024 điều chỉnh - lần 3 tại Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 18/7/2024				Kế hoạch huyện giao năm 2024 điều chỉnh - lần 4			Tăng (+), giảm (-)	Ghi chú		
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Trong đó: NSDP			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					Tổng số	Trong đó:			Tổng số			Trong đó:	
													Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB					Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19=15-11	20	
	TỔNG SỐ					5.000,000	5.000,000			1.000,000	1.000,000	-	-	1.000,000	1.000,000	-	-	-		
I	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2023					5.000,000	5.000,000			1.000,000	1.000,000	-	-	1.000,000	1.000,000	-	-	-		
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2023																		-	
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023																		-	
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2023					5.000,000	5.000,000			1.000,000	1.000,000	-	-	1.000,000	1.000,000	-	-	-		
1	Đường giao thông lên khu di tích lịch sử Diêm cao 1049, xã Hơ Moong, huyện Sa Thầy	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện	Xã Hơ Moong	2023-2024	317/QĐ-UBND 16/3/2023	5.000,000	5.000,000	2.000,000	2.000,000	1.000,000	1.000,000			1.000,000	1.000,000				-	Chưa bao gồm 937,55 triệu đồng nguồn kết dư ngân sách huyện năm 2022; 2.000 triệu đồng nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2022